

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ –
CÔNG TY CỔ PHẦN**

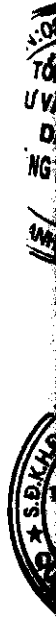
(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 24



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Chung	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Đỗ Văn Thanh	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Đinh Văn Dĩnh	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Tuấn Anh	Ủy viên
Ông Phạm Thanh Minh	Ủy viên (từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Hồ Khả Thịnh	Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Đỗ Văn Thanh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Bùi Tuấn Anh	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Bùi Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 21 tháng 6 năm 2011)
Ông Phạm Thanh Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hữu Bốn	Phó Tổng Giám đốc

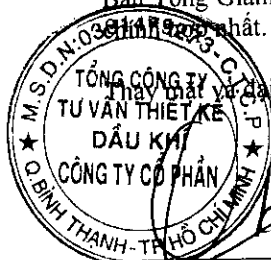
TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Đỗ Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Số: 1049 /2012/Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") từ trang 3 đến trang 24. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

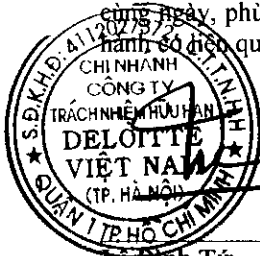
Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có hiệu lực tại Việt Nam.



Lê Đình Tứ
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0488/KTV
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 29 tháng 3 năm 2012
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Sang
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 1144/KTV

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		507.734.417.476	279.730.895.145
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	141.584.573.932	101.564.384.504
1. Tiền	111		92.581.660.240	48.683.492.044
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.002.913.692	52.880.892.460
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		308.375.311.124	134.193.872.654
1. Phải thu khách hàng	131		35.972.457.293	10.913.480.517
2. Trả trước cho người bán	132		7.479.885.096	2.445.397.303
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	6	257.763.576.199	115.942.080.923
4. Các khoản phải thu khác	135		7.352.237.355	5.085.758.730
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(192.844.819)	(192.844.819)
III. Hàng tồn kho	140	7	15.367.213.136	24.292.280.792
1. Hàng tồn kho	141		15.367.213.136	24.292.280.792
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		42.407.319.284	19.680.357.195
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.369.130.745	1.203.338.679
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		11.328.380.989	1.757.226.030
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	1.246.029.906
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	29.709.807.550	15.473.762.580
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		168.709.324.176	90.570.758.914
I. Tài sản cố định	220		21.019.852.947	11.979.824.433
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	12.690.489.773	7.917.962.874
- Nguyên giá	222		37.472.038.850	33.235.474.055
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(24.781.549.077)	(25.317.511.661)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	8.329.363.174	4.061.862.043
- Nguyên giá	228		11.269.398.178	6.083.871.388
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.940.035.004)	(2.022.009.345)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		127.928.474.017	77.435.732.547
1. Đầu tư dài hạn khác	258	11	127.928.474.017	77.435.732.547
III. Tài sản dài hạn khác	260		19.760.997.212	1.155.201.532
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	18.929.121.709	1.155.201.532
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	577.995.067	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		253.880.436	-
C. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269	14	554.040.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		676.997.781.652	370.301.653.661

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 01-DN

Đơn vị: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011		31/12/2010	
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		435.547.010.505		267.610.909.938	
I. Nợ ngắn hạn	310		412.655.675.282		266.496.621.733	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	12.290.756.808		5.000.000.000	
2. Phải trả người bán	312		57.389.962.887		24.963.169.731	
3. Người mua trả tiền trước	313		69.552.794.053		61.280.416.235	
4. Thuê và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	18.479.559.679		3.752.517.657	
5. Phải trả người lao động	315		38.841.332.767		40.149.764.595	
6. Chi phí phải trả	316	17	160.691.611.697		86.049.010.795	
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		42.273.507.458		30.091.064.315	
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	18	10.537.297.079		12.044.443.591	
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.598.852.854		3.166.234.814	
II. Nợ dài hạn	330		22.891.335.223		1.114.288.205	
1. Phải trả dài hạn khác	333		263.848.858		137.050.000	
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	21.731.407.197		-	
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		896.079.168		977.238.205	
B. NGUỒN VỐN	400		221.680.218.558		102.690.743.723	
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	221.680.218.558		102.690.743.723	
1. Vốn điều lệ	411		180.000.000.000		80.000.000.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		321.888.415		353.718.415	
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.600.295.812		1.609.545.812	
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		4.224.799		109.330	
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.902.424.923		4.750.644.717	
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		4.892.901.528		3.741.121.322	
7. Lợi nhuận chưa phân phối	420		28.958.483.081		12.235.604.127	
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	21	19.770.552.589		-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		676.997.781.652		370.301.653.661	



Đỗ Văn Thanh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Hồ Khả Thịnh
 Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU B 02-DN

Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		685.983.300.167	416.615.960.612
2. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	10		685.983.300.167	416.615.960.612
3. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11		(558.670.067.741)	(353.437.626.578)
4. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	20		127.313.232.426	63.178.334.034
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	9.681.825.920	4.452.074.206
7. Chi phí tài chính	22	24	(2.818.948.347)	(1.202.508.031)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(2.795.340.844)	(901.896.211)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(65.826.216.027)	(40.382.235.449)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		68.349.893.972	26.045.664.760
10. Thu nhập khác	31		9.645.428.241	747.188.824
11. Chi phí khác	32		(219.752.246)	(523.366.190)
12. Lợi nhuận khác	40	25	9.425.675.995	223.822.634
13. Lợi nhuận trước thuế	60		77.775.569.967	26.269.487.394
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	26	(20.093.457.678)	(3.233.883.267)
15. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	62	13	577.995.067	-
16. Lợi nhuận sau thuế	70		58.260.107.356	23.035.604.127
<i>Phân bổ cho:</i>				
- Lợi ích của cổ đông thiểu số		21	2.301.624.275	-
- Cổ đông của Tổng Công ty			55.958.483.081	23.035.604.127
16. Lợi nhuận trên cổ phiếu	80	27	3.868	2.887



Đỗ Văn Thanh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Hồ Khả Thịnh
 Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011**MẪU B 03-DN**

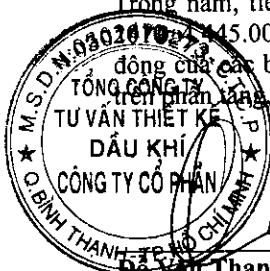
Đơn vị: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	2011	2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	77.775.569.967	26.269.487.394
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.698.654.911	2.801.970.039
Các khoản dự phòng	03	-	(235.205.681)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(10.888.301.048)	(2.802.266.572)
Chi phí lãi vay	06	2.795.340.844	901.896.211
3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	74.381.264.674	26.935.881.391
Tăng các khoản phải thu	09	(200.420.569.898)	(77.645.918.504)
Giảm hàng tồn kho	10	8.925.067.656	54.495.326.161
Tăng các khoản phải trả	11	132.311.300.792	115.172.000.698
Tăng chi phí trả trước	12	(17.939.712.243)	(657.380.858)
Tiền lãi vay đã trả	13	(2.795.340.844)	(901.896.211)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.642.524.738)	(4.676.303.809)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(4.971.260.099)	(2.408.893.995)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(22.151.774.700)	110.312.814.873
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(7.981.035.566)	(5.651.209.783)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	157.727.273	32.727.272
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	6.033.742.209
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác	25	(49.849.324.520)	(45.379.338.547)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	9.044.436.246	2.554.511.802
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(48.628.196.567)	(42.409.567.047)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	100.000.000.000	1.577.681.610
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	42.836.013.293	-
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.768.209.467)	-
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(18.271.758.600)	(10.169.681.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	110.796.045.226	(8.591.999.790)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	40.016.073.959	59.311.248.036
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	101.564.384.504	42.270.291.351
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	4.115.469	(17.154.883)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	141.584.573.932	101.564.384.504

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Trong năm, tiền chi mua tài sản cố định không bao gồm số tiền 57.400.000 đồng (năm 2010: 11.460.000 đồng) là giá trị tài sản mua sắm trong năm nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm khoản phải trả.


Trong năm, tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty khác không bao gồm số tiền 643.416.950 đồng (năm 2010: 145.000.000 đồng) là phần vốn góp đã được thanh toán bù trừ với khoản công nợ phải thu từ các cổ đông của các bên trong hợp đồng hợp tác kinh doanh. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phân tăng, giảm các khoản phải thu.



Đỗ Văn Thanh

Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2012


 Hồ Khả Thịnh
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 24 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và ba công ty con, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Công ty mẹ là Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301479273 thay thế cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lần đầu số 4103003829 ngày 14 tháng 9 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Trước đây, Công ty mẹ được chuyển đổi từ Công ty Tư vấn Dầu khí Xây dựng Dầu khí, một công ty Nhà nước, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”). Theo Nghị quyết 1894/NQ-DKVN ngày 9 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng thành viên Petro Việt Nam, Công ty được chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con và đã thực hiện việc đăng ký chuyển đổi tên thành Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí – Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 13 tháng 5 năm 2011.

Các công ty con

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Dầu khí (gọi tắt là “PCIC”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104628335 ngày 7 tháng 5 năm 2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh với tổng vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. Theo Nghị quyết số 10004/NQ-DKVN ngày 4 tháng 11 năm 2010, Petro Việt Nam đã chấp thuận việc chuyển nhượng phần vốn góp của Petro Việt Nam tại PCIC cho Tổng Công ty. Mặc dù Tổng Công ty không sở hữu hơn 50% vốn góp của PCIC, nhưng theo thỏa thuận, Tổng Công ty có quyền kiểm soát PCIC vì Tổng Công ty có quyền bỏ đa số phiếu biểu quyết tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Theo đó, PCIC là công ty con của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 năm 2011. Trụ sở đăng ký của PCIC tại 78B-80 đường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tư vấn Quản lý Dự án dầu khí PVE (gọi tắt là “PVE - PMC”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310755120 ngày 5 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh với tổng vốn điều lệ là 30 tỷ đồng. PVE - PMC được thành lập thông qua quá trình cổ phần hóa Xí nghiệp Công trình Khí, một đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ trước đây, theo Nghị quyết số 35/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ. Trụ sở đăng ký của PVE - PMC tại phòng 801, tầng 8, tòa nhà CT Plaza, số 60A Trường Sơn, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tư vấn Khảo sát PVE (gọi tắt là “PVE - SC”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310755346 ngày 5 tháng 4 năm 2011 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh với tổng vốn điều lệ là 20 tỷ đồng. PVE - SC được thành lập thông qua quá trình cổ phần hóa Xí nghiệp Khảo sát, Kiểm định và Dịch vụ Công trình, một đơn vị trực thuộc của Công ty mẹ trước đây, theo Nghị quyết số 36/NQ-ĐTTK-HĐQT ngày 11 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng quản trị Công ty mẹ. Trụ sở đăng ký của PVE - SC tại phòng 801, tầng 8, tòa nhà CT Plaza, số 60A Trường Sơn, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam.

Hoạt động chính

- Hoạt động tư vấn quản lý; Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn về tài chính kế toán); Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.
- Khai thác hoạt động các dự án dầu khí, các dự án xây dựng khác.
- Chế tạo các sản phẩm công nghệ dầu khí (không hoạt động tại trụ sở).
- Khảo sát xây dựng.
- Thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, cơ - điện công trình dân dụng, công nghiệp đến nhóm B, điện áp ≤ 22KV, kiến trúc công trình dân dụng, công nghiệp; Kiểm định chất lượng xây dựng.
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, dầu khí (lắp đặt từng phần hoặc trọn gói (EPC)).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo hợp nhất đầu tiên của Tổng Công ty.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính hợp nhất của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 28.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là mười (10) năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu***Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng và phải thu khác, các khoản ký quỹ, ký cược, và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản nhận ký quỹ, ký cược, và các khoản vay và nợ.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh trong năm liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp, khảo sát, thiết kế công trình. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm còn bao gồm giá thành của nhà thầu phụ hoàn thành bàn giao chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử, nếu có. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 10
Phương tiện vận tải	3 – 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và giá trị phần mềm thiết kế, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ năm (5) đến tám (8) năm.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một (1) năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba (3) năm.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào công ty khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết), không có ảnh hưởng đáng kể và có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên một (1) năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn được trích lập khi các khoản đầu tư Tổng Công ty đang nắm giữ có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán hoặc tổ chức kinh tế mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng được ghi nhận là toàn bộ chi phí phát sinh trong năm.

Khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng, khoản lỗ ước tính được ghi nhận ngay vào chi phí.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng phương pháp hạch toán chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại không trọng yếu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí tính thuế được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và các khoản thu nhập không chịu thuế hoặc chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi nhận vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	13.893.433.199	9.475.259.161
Tiền gửi ngân hàng	78.688.227.041	39.208.232.883
Các khoản tương đương tiền	49.002.913.692	52.880.892.460
	<u>141.584.573.932</u>	<u>101.564.384.504</u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm các khoản tiền gửi kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam với số tiền là 46.300.000.000 đồng (năm 2010: 52.880.892.460 đồng) có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn dưới 3 tháng và lãi suất từ 12% đến 14% một năm, và tiền gửi tại Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVFC") với số tiền là 2.702.913.692 đồng theo hình thức hợp đồng ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 1 tháng.

6. PHẢI THU THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

Chi tiết phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng theo dự án như sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	81.620.973.361	5.433.925.484
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	67.258.363.636	19.879.596.788
Dự án Lô B Ô Môn mới	34.457.467.172	347.159.276
Dự án Instrumentation Work Subcontract PVTEX-SC-002	7.975.829.738	-
Dự án Tư vấn Thiết kế Nhà máy Quảng Trạch I	3.487.994.751	-
Dự án LPG lạnh Bà Rịa - Vũng Tàu	6.844.171.419	9.081.818.182
Dự án Thiết kế đường ống Nam Côn Sơn	3.398.299.460	3.398.299.460
Dự án Khảo sát phục vụ Thiết kế FEED Nam Côn Sơn	6.518.401.201	3.081.150.059
Dự án Nhà máy condensate Cà Mau	2.512.507.183	2.344.903.077
Dự án Thiết kế Feed Lô B - Ô Môn	1.909.353.000	-
Dự án Tuyến ống kết nối Đông Tây Nam Bộ	1.763.528.419	-
Dự án Nhà máy CNG Nhơn Trạch - Đồng Nai	610.909.091	5.787.820.280
Dự án Xây dựng nhà máy chế tạo ống thép tại KCN Soài Rạp	1.701.909.711	8.820.777.694
Dự án Polypropylene Nhà máy lọc dầu Dung Quất	-	5.572.522.588
Các dự án khác	37.703.868.057	52.194.108.035
	<u>257.763.576.199</u>	<u>115.942.080.923</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Nguyên liệu, vật liệu	45.743.708	110.372.009
Công cụ, dụng cụ	97.661.410	228.432.896
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	15.223.808.018	23.953.475.887
	<u>15.367.213.136</u>	<u>24.292.280.792</u>

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Tạm ứng	24.033.814.793	10.699.418.744
Thế chấp, ký cược, ký quỹ	5.675.992.757	4.774.343.836
	<u>29.709.807.550</u>	<u>15.473.762.580</u>

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VNĐ	Máy móc và thiết bị VNĐ	Thiết bị văn phòng VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Tổng VNĐ
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 1/1/2011	4.977.743.477	18.024.992.596	4.331.984.653	5.900.753.329	33.235.474.055
Tăng do mua lại công ty con	-	-	555.636.727	2.281.136.000	2.836.772.727
Tăng trong năm	-	70.535.000	3.121.502.910	1.421.181.818	4.613.219.728
Thanh lý, nhượng bán	(549.522.480)	(1.594.371.657)	(964.533.523)	(105.000.000)	(3.213.427.660)
Tại ngày 31/12/2011	<u>4.428.220.997</u>	<u>16.501.155.939</u>	<u>7.044.590.767</u>	<u>9.498.071.147</u>	<u>37.472.038.850</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 1/1/2011	3.558.508.331	14.479.598.671	2.779.641.198	4.499.763.461	25.317.511.661
Tăng do mua lại công ty con	-	-	92.066.672	332.077.007	424.143.679
Khấu hao trong năm	222.521.604	1.328.787.815	951.775.807	1.215.984.026	3.719.069.252
Điều chỉnh do cổ phần hóa	-	(1.229.258.385)	(955.921.404)	(179.132.019)	(1.509.359.974)
Thanh lý, nhượng bán	(549.522.480)	(1.594.371.657)	(100.969.570)	(70.000.000)	(3.169.815.541)
Tại ngày 31/12/2011	<u>3.231.507.455</u>	<u>12.984.756.444</u>	<u>2.766.592.703</u>	<u>5.798.692.475</u>	<u>24.781.549.077</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.196.713.542</u>	<u>3.516.399.495</u>	<u>4.277.998.064</u>	<u>3.699.378.672</u>	<u>12.690.489.773</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>1.419.235.146</u>	<u>3.545.393.925</u>	<u>1.552.343.455</u>	<u>1.400.989.868</u>	<u>7.917.962.394</u>

Điều chỉnh do cổ phần hóa phát sinh từ quá trình xác định giá trị doanh nghiệp nhằm mục đích chuyển đổi Xí nghiệp Công trình khí (tiền thân của PVE - PMC) và Xí nghiệp Khảo sát Kiểm định và Dịch vụ Công trình (tiền thân của PVE - SC) thuộc Tổng Công ty trước đây thành công ty cổ phần hoạt động dưới hình thức công ty con. Kết quả việc định giá được căn cứ vào Biên bản tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2011 số 04BCKT/TV và số 05BCKT/TV ngày 1 tháng 6 năm 2011 của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS). Giá trị còn lại của tài sản cố định của hai Xí nghiệp được đánh giá lại tăng lên 1.509.359.974 đồng. Tổng Công ty đã ghi nhận chênh lệch đánh giá lại này vào thu nhập khác trong năm (xem Thuyết minh số 25).

Tài sản cố định của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với nguyên giá là 8.967.011.531 đồng (năm 2010: 15.833.990.172 đồng).

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm VNĐ	Tổng cộng VNĐ
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2011	-	6.083.871.388	6.083.871.388
Tăng trong năm	4.800.000.000	385.526.790	5.185.526.790
Tại ngày 31/12/2011	4.800.000.000	6.469.398.178	11.269.398.178
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2011	-	2.022.009.345	2.022.009.345
Khấu hao trong năm	120.000.000	798.025.659	918.025.659
Tại ngày 31/12/2011	120.000.000	2.820.035.004	2.940.035.004
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2011	4.680.000.000	3.649.363.174	8.329.363.174
Tại ngày 31/12/2010	-	4.061.862.043	4.061.862.043

Tài sản cố định vô hình bao gồm một số phần mềm thiết kế đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với nguyên giá là 1.459.946.460 đồng (năm 2010: 1.287.791.060 đồng).

11. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 giữa Tổng Công ty với các bên Tổng Công ty khí Việt Nam (gọi tắt là "PV Gas") và Công ty Cổ phần địa ốc Phú Long (gọi tắt là "Phú Long"), để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower" trên diện tích đất 7.441 m² tại địa điểm số 8, đường Nguyễn Hữu Thọ, xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, với tổng mức đầu tư dự kiến là 827 tỷ đồng. Tỷ lệ vốn góp của PV Gas, Tổng Công ty và Phú Long lần lượt là 70%, 20% và 10%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010, tiến độ góp vốn Tổng Công ty đã thực hiện như sau:

	Số vốn cam kết góp theo hợp đồng VNĐ	Số vốn thực góp 31/12/2011 VNĐ	Số vốn thực góp 31/12/2010 VNĐ
Dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower	165.400.000.000	127.928.474.017	77.435.732.547

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, dự án đã hoàn thành việc xây dựng và tòa nhà đã được đưa vào sử dụng. Trong năm, Tổng Công ty chưa phát sinh lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

Tổng Công ty đã sử dụng quyền, quyền lợi và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này và các phụ lục hợp đồng kèm theo để thế chấp cho khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Vietcombank Hồ Chí Minh") (xem Thuyết minh số 19).

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1	1.155.201.532	1.297.738.233
Tăng do mua lại công ty con	80.000.000	-
Tăng trong năm	19.100.337.735	3.128.261.823
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm	(1.414.417.558)	(3.270.798.524)
Tại ngày 31 tháng 12	18.929.121.709	1.155.201.532

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại Tổng Công ty đã ghi nhận trong năm:

Chi phí trả trước
VNĐ

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	-
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	577.995.067
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	577.995.067

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Thông tin chi tiết về tình hình góp vốn vào các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

	Theo giấy đăng ký kinh doanh		Số vốn thực góp	
	VNĐ	%	VNĐ	%
PCIC	30.000.000.000	36%	10.800.000.000	44,39
PVE - PMC	30.000.000.000	60%	18.000.000.000	91,56
PVE - SC	20.000.000.000	60%	12.000.000.000	86,75

Như đã nêu tại Thuyết minh số 1, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp của Petro Việt Nam tại PCIC với giá mua là 11.415.600.000 đồng. Nghiệp vụ này tạo ra khoản lợi thế thương mại cho Tổng Công ty với số tiền là 615.600.000 đồng. Tình hình tăng giảm lợi thế thương mại trong năm như sau:

Lợi thế thương mại
VNĐ

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	-
Tăng do mua lại công ty con	615.600.000
Phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm	(61.560.000)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	554.040.000

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VNĐ	VNĐ
Vay ngắn hạn	7.290.756.808	-
Vay ngắn hạn khác	5.000.000.000	5.000.000.000
	12.290.756.808	5.000.000.000

Vay ngắn hạn thể hiện:

Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 77/2011/94203/HĐ ngày 30 tháng 12 năm 2011 (chuyển sang từ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 52/94203/2010 ngày 20 tháng 12 năm 2010). Khoản vay này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với mức dư nợ tối đa là 40 tỷ đồng với thời hạn rút vốn trong vòng 12 tháng kể từ ngày hợp đồng. Thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể và không quá 12 tháng. Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể và được trả hàng tháng. Vốn vay được sử dụng để bổ sung vốn lưu động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đã rút vốn với tổng số tiền 6.042.652.500 đồng.

Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 30 tỷ đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 18 tháng 6 năm 2012. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi suất 16,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đã rút vốn với tổng số tiền 1.248.104.308 đồng.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Vay ngắn hạn khác thể hiện khoản vay ưu đãi từ Quỹ Đầu tư Phát triển của Petro Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 01/HĐ-DKVN ngày 12 tháng 4 năm 2006 nhằm mục đích phát triển ngành tư vấn thiết kế dầu khí với số tiền vay là 5 tỷ đồng trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này không có đảm bảo, không phải trả lãi. Tổng Công ty đã thực hiện trình bày lại số dư khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho mục đích so sánh với số liệu trình bày năm nay.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	3.941.601.352	3.161.034.704
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.296.102.156	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.241.856.171	591.482.953
	<u>18.479.559.679</u>	<u>3.752.517.657</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Dự án Bio Ethanol Bình Phước	119.902.233.288	28.000.000.000
Dự án Đường ống Nam Côn Sơn II - Thiết kế FEED	6.678.674.283	-
Dự án Khảo sát phục vụ Thiết kế FEED Nam Côn Sơn	3.386.672.744	26.124.432.705
Dự án Lô B Ô Môn mới	7.651.040.596	-
Dự án Instrumentation Work Subcontract PVTEX-SC-002	4.493.759.500	-
Dự án Polypropylene Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.000.000.000	12.200.000.000
Dự án Sửa chữa giàn MSP10 Mỏ Bạch Hồ	1.519.306.030	1.957.004.037
Dự án CNG Trạm mẹ giai đoạn 2, 3	-	1.105.120.076
Dự án PM3 Cà Mau	-	1.095.159.666
Các dự án khác và chi phí phải trả khác	16.059.925.256	15.567.294.311
	<u>160.691.611.697</u>	<u>86.049.010.795</u>

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả ngắn hạn thể hiện khoản trích trước chi phí bảo hành công trình, với tỉ lệ từ 3% đến 5% giá trị hợp đồng xây lắp, trong thời hạn từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình hoàn thành cho khách hàng.

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tại ngày 1 tháng 1	12.044.443.591	6.695.195.873
Trích lập trong năm	2.346.018.276	5.349.247.718
Hoàn nhập dự phòng	(3.853.164.788)	-
Tại ngày 31 tháng 12	<u>10.537.297.079</u>	<u>12.044.443.591</u>

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vào ngày 20 tháng 4 năm 2011, Tổng Công ty đã ký hợp đồng tín dụng dài hạn với Vietcombank Hồ Chí Minh với hạn mức 90 tỷ đồng và thời hạn vay là chín mươi sáu (96) tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích của khoản vay là để thanh toán một phần vốn góp để đầu tư dự án Cao ốc văn phòng Dragon Tower. Khoản vay này chịu lãi suất bằng lãi suất cho vay dài hạn để kinh doanh bất động sản bằng Đồng Việt Nam do Vietcombank Hồ Chí Minh công bố vào ngày giải ngân đầu tiên và các ngày đầu tiên của kỳ điều chỉnh lãi suất. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo kỳ điều chỉnh lãi suất (ba tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên) và được trả hàng quý. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty rút vốn với tổng số tiền 21.731.407.197 đồng.

Tổng Công ty sử dụng quyền và lợi ích phát sinh từ hợp đồng hợp tác kinh doanh số 42b/2009/BCC/PVGAS-PVC-PLC ngày 25 tháng 4 năm 2009 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, giữa

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tổng Công ty với các bên PV Gas và Phú Long, để góp vốn đầu tư xây dựng và kinh doanh khai thác dự án "Cao ốc văn phòng Dragon Tower", để thế chấp cho khoản vay này. Tài sản thế chấp được định giá là 151 tỷ đồng.

Toàn bộ khoản nợ vay sẽ được trả trong hai mươi chín kỳ trả nợ gốc, lịch trả nợ vay sẽ được ký kết giữa Tổng Công ty và Vietcombank Hồ Chí Minh tại ngày kết thúc ân hạn hoặc ngày giải ngân hết tổng số tiền cho vay hoặc Tổng Công ty không còn nhu cầu giải ngân, tùy thuộc vào điều kiện nào đến trước. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, lịch trả nợ gốc chưa được ký kết giữa Tổng Công ty và Vietcombank Hồ Chí Minh.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
Số lượng cổ phần được phép phát hành	18.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	18.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phần đang lưu hành tại cuối năm	<u>18.000.000</u>	<u>8.000.000</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010 số 24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 10 năm 2010, đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 80 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng bằng việc phát hành thêm 10 triệu cổ phần phổ thông với tổng mệnh giá phát hành là 100 tỷ đồng. Đến ngày 22 tháng 3 năm 2011, Tổng Công ty đã thu đủ tiền vốn góp của các cổ đông. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 180 tỷ đồng (năm 2010: 80 tỷ đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và 2010, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<u>Vốn đã góp</u>	
	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	52.200.000.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	-	16.497.220.000
Công ty TNHH Hyundai Engineering	-	3.500.000.000
Vietnam Equity Holding	12.745.000.000	-
Ông Đỗ Đức Hiếu	11.118.210.000	5.701.650.000
Các cổ đông khác	103.936.790.000	54.301.130.000
	<u>180.000.000.000</u>	<u>80.000.000.000</u>

Căn cứ theo Quyết định 2271/QĐ-DKVN ngày 16 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã tiến hành chuyển nhượng toàn bộ cổ phần hiện đang sở hữu tại Tổng Công ty cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng đã mua cổ phần phát hành thêm của Tổng Công ty theo hình thức chào bán cổ phần riêng lẻ và trở thành cổ đông chiến lược của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Tổng Công ty dự kiến tăng vốn điều lệ lên 250 tỷ đồng bằng việc phát hành 7.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần cho các cổ đông hiện hữu và các cổ đông chiến lược. Tại ngày lập báo cáo ngày, việc tăng vốn chưa được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Có phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại 1/1/2010	80.000.000.000	-	1.600.295.812	(1.223.963.195)	(29.507.454)	3.246.474.232	2.236.950.837	15.041.704.859	100.871.955.091
Trích quỹ trong năm	-	-	9.250.000	-	-	1.504.170.485	1.504.170.485	(5.500.264.859)	(2.482.673.889)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(20.341.440.000)	(20.341.440.000)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	353.718.415	-	1.223.963.195	-	-	-	-	1.577.681.610
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	29.616.784	-	-	-	29.616.784
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	23.035.604.127	23.035.604.127
Tại 31/12/2010	80.000.000.000	353.718.415	1.609.545.812	-	109.330	4.750.644.717	3.741.121.322	12.235.604.127	102.690.743.723
Tăng vốn trong năm	100.000.000.000	-	-	-	-	-	-	-	100.000.000.000
Trích quỹ trong năm	-	-	(9.250.000)	-	-	1.151.780.206	1.151.780.206	(4.135.604.127)	(1.841.293.715)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(35.100.000.000)	(35.100.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	4.115.469	-	-	-	4.115.469
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	55.958.483.081	55.958.483.081
Giảm khác	-	(31.830.000)	-	-	-	-	-	-	(31.830.000)
Tại 31/12/2011	180.000.000.000	321.888.415	1.600.295.812	-	4.224.799	5.902.424.923	4.892.901.528	28.958.483.081	221.680.218.558

Theo Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng Công ty, Tổng Công ty đã công bố chia tổng số cổ tức là 18,9 tỷ đồng bằng tiền mặt từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2010 với tỷ lệ là 18%/mệnh giá mỗi cổ phần (năm 2010: 9.541.440.000 đồng). Trong năm 2010, Tổng Công ty đã công bố tạm chia cổ tức là 10,8 tỷ đồng, phần cổ tức còn lại 8,1 tỷ đồng được công bố và chi trả toàn bộ cho các cổ đông trong năm 2011.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty đã thực hiện trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi, và quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành Tổng Công ty từ lợi nhuận sau thuế của năm 2010 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2011.

Theo Nghị quyết số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng quản trị, Tổng Công ty đã công bố tạm ứng cổ tức năm 2011 với mức 15%/mệnh giá mỗi cổ phần. Việc chi tạm ứng cổ tức năm 2011 đã được thực hiện trong năm 2012 và hoàn tất tính đến ngày lập báo cáo này. Số liệu cuối cùng về tỷ lệ chia cổ tức và trích lập các quỹ sẽ được cổ đông của Tổng Công ty phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

21. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

	PCIC VNĐ	PVE - PMC VNĐ	PVE - SC VNĐ
Vốn điều lệ của công ty con	24.330.000.000	19.660.000.000	13.833.000.000
Trong đó:			
Vốn phân bổ cho Tổng Công ty	10.800.000.000	18.000.000.000	12.000.000.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số	<u>13.530.000.000</u>	<u>1.660.000.000</u>	<u>1.833.000.000</u>
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	<u>55,61%</u>	<u>8,44%</u>	<u>13,25%</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2011:

	PCIC VNĐ	PVE - PMC VNĐ	PVE - SC VNĐ	Tổng VNĐ
Tổng tài sản	36.216.521.619	53.317.061.134	21.338.121.648	110.871.704.401
Tổng nợ phải trả	8.332.575.573	29.794.844.552	5.619.493.295	43.746.913.420
Tài sản thuần	<u>27.883.946.046</u>	<u>23.522.216.582</u>	<u>15.718.628.353</u>	<u>67.124.790.981</u>
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	24.330.000.000	19.660.000.000	13.833.000.000	57.823.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	-	-	191.679.000
Quỹ dự phòng tài chính	159.733.000	-	-	159.733.000
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	<u>3.108.017.732</u>	<u>3.862.216.582</u>	<u>1.885.628.353</u>	<u>8.855.862.667</u>
Lợi ích của cổ đông thiểu số:	15.704.308.089	2.021.672.384	2.044.572.116	19.770.552.589
<i>Chi tiết như sau:</i>				
Vốn điều lệ	13.530.000.000	1.660.000.000	1.833.000.000	17.023.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	191.679.000	-	-	191.679.000
Quỹ dự phòng tài chính	159.733.000	-	-	159.733.000
Lợi nhuận chưa phân phối đến ngày đầu tư	94.516.314	-	-	94.516.314
Lợi nhuận chưa phân phối sau ngày đầu tư	<u>1.728.379.775</u>	<u>361.672.384</u>	<u>211.572.116</u>	<u>2.301.624.275</u>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

	PCIC VNĐ	PVE - PMC VNĐ	PVE - SC VNĐ	Tổng VNĐ
Lợi nhuận trong năm	3.108.017.732	3.862.216.582	1.885.628.353	8.855.862.667
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số	<u>1.728.379.775</u>	<u>361.672.384</u>	<u>211.572.116</u>	<u>2.301.624.275</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	277.491.011.914	86.702.565.666
Chi phí nhân công	178.277.969.982	103.018.466.524
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.637.094.911	2.801.970.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.305.020.903	78.986.192.834
Chi phí khác	<u>140.077.380.187</u>	<u>78.468.477.644</u>
	<u>740.788.477.897</u>	<u>349.977.672.707</u>

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi	9.264.825.920	2.779.734.024
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	417.000.000	1.672.340.182
	<u>9.681.825.920</u>	<u>4.452.074.206</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lãi tiền vay	2.795.340.844	901.896.211
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.898.402	300.611.820
Khác	12.709.101	-
	<u>2.818.948.347</u>	<u>1.202.508.031</u>

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Xóa sổ các khoản nợ phải trả kéo dài trên ba (3) năm	1.737.761.844	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	157.727.273	32.727.272
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	3.853.164.788	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản để góp vốn	1.509.359.974	-
Khác	2.387.414.362	714.461.552
Thu nhập khác	<u>9.645.428.241</u>	<u>747.188.824</u>
Tạm ứng khó đòi đã xóa sổ	(150.363.648)	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(43.612.119)	(10.194.724)
Khác	(25.776.479)	(513.171.466)
Chi phí khác	<u>(219.752.246)</u>	<u>(523.366.190)</u>
Lợi nhuận khác	<u>9.425.675.995</u>	<u>223.822.634</u>

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2011	2010
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	77.775.569.967	26.269.487.394
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.598.260.744	18.000.000
Thu nhập chịu thuế	<u>80.373.830.711</u>	<u>26.287.487.394</u>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 12,5%</i>	-	23.283.930.736
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25%</i>	<u>80.373.830.711</u>	<u>3.003.556.658</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20.093.457.678	3.661.380.506
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	(427.497.239)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh	<u>20.093.457.678</u>	<u>3.233.883.267</u>

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế đối với các hoạt động kinh doanh chính theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai (2) năm kể từ ngày chuyển thành công ty cổ phần (năm 2006 và năm 2007) và được giảm 50% trong ba (3) năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2010). Theo đó, kể từ năm 2011, Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Đối với thu nhập từ hoạt động khác, Tổng Công ty nộp thuế với thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tính trong năm trên cơ sở các số liệu sau:

	2011	2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của Tổng Công ty	55.958.483.081	23.035.604.127
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	55.958.483.081	23.035.604.127
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	14.465.753	7.978.582
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.868</u>	<u>2.887</u>

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Quản lý rủi ro vốn***

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 và 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.584.573.932	101.564.384.504
Phải thu khách hàng và phải thu khác	300.895.426.028	131.748.475.351
Các khoản ký quỹ, ký cược	5.929.873.193	4.774.343.836
Các khoản đầu tư dài hạn khác	127.928.474.017	77.435.732.547
	<u>576.338.347.170</u>	<u>315.522.936.238</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	110.200.767.424	67.098.677.637
Chi phí phải trả	160.691.611.697	86.049.010.795
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	263.848.858	137.050.000
Các khoản vay và nợ	34.022.164.005	5.000.000.000
	<u>305.178.391.984</u>	<u>158.284.738.432</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦNLầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	153.771.677	16.897.106.310	-	-
Phải thu khách hàng	-	260.040.000	-	-
Phải trả người bán	-	-	-	1.640.625.682
	153.771.677	17.157.146.310	-	1.640.625.682

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất lớn phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất với lãi suất cố định, Tổng Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro lãi suất theo giá trị hợp lý của các khoản vay này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Sau 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
31/12/2011				
Phải trả người bán và phải trả khác	110.200.767.424	-	-	110.200.767.424
Chi phí phải trả	160.691.611.697	-	-	160.691.611.697
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	263.848.858	-	263.848.858
Các khoản vay và nợ	12.290.756.808	-	21.731.407.197	34.022.164.005
	283.183.135.929	263.848.858	21.731.407.197	305.178.391.984
31/12/2010				
Phải trả người bán và phải trả khác	67.098.677.637	-	-	67.098.677.637
Chi phí phải trả	86.049.010.795	-	-	86.049.010.795
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	137.050.000	-	137.050.000
Các khoản vay và nợ	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
	158.147.688.432	137.050.000	-	158.284.738.432

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1- 5 năm VNĐ	Sau 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2011				
Tiền và các khoản tương đương tiền	141.584.573.932	-	-	141.584.573.932
Phải thu khách hàng và phải thu khác	300.895.426.028	-	-	300.895.426.028
Các khoản ký quỹ, ký cược	5.675.992.757	253.880.436	-	5.929.873.193
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-	127.928.474.017	127.928.474.017
	448.155.992.717	253.880.436	127.928.474.017	576.338.347.170
31/12/2010				
Tiền và các khoản tương đương tiền	101.564.384.504	-	-	101.564.384.504
Phải thu khách hàng và phải thu khác	131.748.475.351	-	-	131.748.475.351
Các khoản ký quỹ, ký cược	4.774.343.836	-	-	4.774.343.836
Các khoản đầu tư dài hạn khác	-	-	77.435.732.547	77.435.732.547
	238.087.203.691	-	77.435.732.547	315.522.936.238

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Doanh thu		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	538.371.902.037	4.783.460.564
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	-	51.275.437.096
Giá vốn		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	446.588.113.561	4.203.073.638
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	-	48.638.983.627

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	2011 VNĐ	2010 VNĐ
Lương	4.227.083.084	4.130.531.373
Tiền thưởng	1.489.871.130	672.539.600
	5.716.954.214	4.803.070.973

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Các khoản phải thu thương mại		
Các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	27.112.264.610	8.963.876.399
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	-	841.199.350
Các khoản phải trả		
Phải trả thương mại các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	46.670.655.214	4.057.561.645
Phải trả khác cho PetroViệt Nam	6.726.015.123	-

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN THIẾT KẾ DẦU KHÍ – CÔNG TY CỔ PHẦN

Lầu 4 nhà G1, Khách sạn Dầu khí Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh **Báo cáo tài chính hợp nhất**
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

	31/12/2011 VNĐ	31/12/2010 VNĐ
Vay		
Petro Việt Nam	<u>5.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
Các khoản tương đương tiền - Ủy thác quản lý vốn		
PVFC	<u>2.702.913.692</u>	<u>-</u>

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Năm 2010, Tổng Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất do không có khoản đầu tư vào công ty con. Tổng Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất theo qui định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011. Do vậy, số liệu so sánh trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ có thể không so sánh được với số liệu năm nay.

31. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2012.



Đỗ Văn Thanh
 Tổng Giám đốc
 Ngày 29 tháng 3 năm 2012

Hồ Khả Thịnh
 Kế toán trưởng



